

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
Số...../ CNCB

BÊN MUA.....

.....

ĐỊA CHỈ.....

.....

ĐIỆN THOẠI.....

MÃ SỐ KHÁCH HÀNG:.....

Trụ sở công ty: Đường Tân An, Phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hợp đồng theo mẫu

Cao Bằng, ngày tháng năm 20...

HỢP ĐỒNG MUA BÁN NƯỚC SẠCH

Số:HĐ/CNCB

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13, được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015.

Căn cứ Luật Bảo vệ người tiêu dùng số 19/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Quyết định về giá tiêu thụ nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng của cấp có thẩm quyền;

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng.

Theo khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng nước của hai bên.

Chúng tôi gồm có:

I. BÊN BÁN NƯỚC SẠCH: (gọi tắt là Bên A)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

- Đại diện là Ông:..... ; Chức vụ:

- Địa chỉ: Đường Tân An – Phường Tân Giang Thành phố Cao Bằng

- Điện thoại: 02063 852 307

- Mã số thuế: 4800103996

- Số tài khoản: 8314201000405. Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cao Bằng.

II. BÊN MUA NƯỚC SẠCH: (gọi tắt là Bên B)

- Đại diện chủ hộ (Hoặc tên cơ quan):.....

.....

- Hoặc người được ủy quyền

- Chức vụ:Số CCCD.....cấp ngày.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại liên hệ:

- Mã số thuế.....

- Số tài khoản:.....

- Mở tại Ngân hàng:

Hai bên cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước với nội dung như sau:

Điều 1: Đối tượng của hợp đồng.

1. Bên A bán và cung ứng sản phẩm hàng hóa cho bên B mua tiêu dùng như sau:

- Tên hàng hóa dịch vụ: Nước sạch sinh hoạt.
- Phương thức và địa điểm giao nhận: Bên A truyền dẫn nước sạch bằng đường ống cấp nước đến địa điểm lắp đồng hồ bên B theo địa chỉ đăng ký sử dụng nước, khối lượng giao nhận thông qua đồng hồ đo nước.
- Khối lượng: Theo nhu cầu sử dụng của bên B, tối thiểu đạt 120 lít/ người/ ngày.
- Khối lượng nước được phân theo mục đích sử dụng như sau.

Mục đích sử dụng	Số người sử dụng			Tỷ lệ % hoặc số lượng m^3 sử dụng theo mục đích sử dụng
	Lần 1	Lần 2	Lần 3	
- Sinh hoạt tại nhà				
- Hành chính sự nghiệp				
- Sản xuất xây dựng				
- Kinh doanh dịch vụ				

Điều 2: Điều kiện chất lượng dịch vụ.

Chất lượng dịch vụ cấp nước:

Chất lượng nước sạch: Đảm bảo chất lượng theo Quy chuẩn của Bộ Y tế ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018, hoặc quy chuẩn địa phương. Trừ trường hợp bất khả kháng như bụi vỡ ống nước làm ảnh hưởng chất lượng nước.

- Áp lực tại vị trí đồng hồ: Đảm bảo không thấp hơn 0,3 Bar. (Có nghĩa nước được dẫn theo đường ống cao tối thiểu đạt 3 mét tại vị trí lắp đặt đồng hồ)
- Khối lượng: Đáp ứng theo nhu cầu đăng ký của bên B, trường hợp vị trí lắp đặt là điểm bất lợi về lưu lượng cấp nước của mạng lưới sẽ có thỏa thuận riêng.
- Số giờ cấp nước trong ngày: Tối thiểu đạt 20 h/ngày đêm, trường hợp vị trí đồng hồ khách hàng lắp đặt tại điểm bất lợi về lưu lượng và áp lực cấp liên tục sẽ có thỏa thuận riêng, hoặc do sự cố bụi vỡ sẽ có thông báo riêng.

ĐIỀU 3: Giá nước sạch

1. Giá nước sạch do UBND tỉnh Cao Bằng quyết định căn cứ vào từng đối tượng và mục đích sử dụng. Nếu có thay đổi về giá nước thì bên A sẽ thông báo cho bên B biết qua phương tiện thông tin đại chúng.

2. Khi có thay đổi giá tiêu thụ nước sạch do cấp có thẩm quyền quyết định, thì biểu giá mới được áp dụng thay thế cho giá tiêu thụ đang áp dụng. Trong trường hợp này hai bên không phải ký lại hợp đồng.

3. Phí bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải sinh hoạt:

Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải được thu kèm hóa đơn tiền nước, mức thu phí do Chính phủ quy định và do Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng quyết định.

(trừ các đối tượng được miễn theo quy định).

ĐIỀU 4: Phương thức đo đếm khối lượng nước sử dụng và thanh toán.

1. Phương thức đo đếm khối lượng nước sử dụng: Khối lượng nước khách hàng sử dụng để tính tiền nước được đo bằng đồng hồ đo nước lạnh đảm bảo tiêu chuẩn Việt Nam. Kỳ đọc ghi chỉ số mỗi tháng 01 lần, lịch đọc ghi do bên A quy định.

2. Phương thức thông báo hóa đơn tiền nước và đề nghị thanh toán:

Bên A thông báo chỉ số đồng hồ nước và khối lượng tiêu thụ, số tiền thanh toán bằng tin nhắn SMS hoặc trên nền tảng ứng dụng. Tin nhắn thông báo được gửi cho bên B theo số điện thoại di động bên B đã đăng ký trong hợp đồng này, khi bên B có thay đổi số điện thoại nhận tin nhắn tiền nước thì phải thông báo lại cho bên A để sửa đổi. Trường hợp bên B đã đăng ký số điện thoại nhận tin nhắn và khi thay đổi số điện thoại dẫn đến tin nhắn gửi không nhận được thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm và bên A có quyền xử lý vi phạm về chậm thanh toán tiền nước theo quy định.

3. Hình thức thanh toán: Áp dụng thanh toán tiền nước theo hình thức sau:

- Trích nợ tự động qua tài khoản Ngân hàng.
- Thanh toán qua các ứng dụng trung gian: Momo; Payoo; Viettel Pay; VNPT Pay.
- Thanh toán qua ứng dụng ngân hàng: Internet banking; Mobile banking; Viviet.
- Thanh toán bằng tiền mặt tại các điểm thu hộ do bên A quy định. *(có phụ lục kèm theo)*

- Không áp dụng thu tiền mặt tại nhà bên B, trừ các trường hợp đặt biệt do 2 bên thỏa thuận.

- Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam.

- Thời hạn thanh toán: Theo thông báo của bên A từ ngày 05 → 10 hàng tháng.

4. Hóa đơn tiền nước:

- Hóa đơn tiền nước do Bên A phát hành mỗi tháng một hóa đơn, tức 12 kỳ /năm dưới hình thức hóa đơn điện tử.

- Bên B tự thực hiện tra cứu và tải hóa đơn tại địa chỉ.

<http://capnuoccaobang.com.vn>

5. Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán tiền nước chậm sau 5 ngày kể từ thời hạn thanh toán cuối cùng được quy định tại Khoản 3 Điều 4 của hợp đồng này, Bên A tháo dỡ thu hồi cụm đồng hồ.

ĐIỀU 5: Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Bên A có các quyền sau:

1.1. Quyết định vị trí lắp đặt (sau khi trao đổi thống nhất với bên B), kích cỡ và chủng loại đồng hồ đo nước, vật tư thiết bị cung cấp khi lắp đặt hệ thống cấp nước cho Bên B.

1.2. Có quyền vào khu vực đường ống cấp nước và đồng hồ của bên B (kể cả trước và sau đồng hồ) để đọc, ghi chỉ số đồng hồ nước, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế đồng hồ nước theo định kỳ hoặc đột xuất, cũng như kiểm tra mục đích sử dụng nước và việc thực hiện hợp đồng của Bên B.

1.3. Yêu cầu Bên B thanh toán tiền nước, các chi phí liên quan khác đúng thời hạn theo quy định hoặc khắc phục các trở ngại để ghi, đọc chỉ số đồng hồ đo nước và thực hiện kiểm tra theo điểm 1.1, và 1.2 trong điều này.

1.4. Không chịu trách nhiệm về chất lượng nước nếu Bên B có sử dụng chung với các nguồn nước khác, lắp đặt đường ống dẫn nước sau đồng hồ không đúng quy định hoặc để các chất độc hại xâm nhập vào hệ thống đường ống cấp nước.

1.5. Được thu hồi lại đường ống, đồng hồ đo nước và các vật tư khác trong các trường hợp bị hư hỏng và thay thế.

1.6. Ngừng thực hiện dịch vụ cấp nước trong các trường hợp:

- Theo yêu cầu không sử dụng nước từ bên B.
- Phát hiện bên sử dụng nước gian lận, bất hợp pháp.
- Bên B không sử dụng nước trên quá 06 tháng liên tục mà không thông báo trước cho bên A;
- Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước và chi phí dịch vụ do bên A cung cấp cho bên B sau 20 ngày kể từ ngày thông báo nộp tiền nước lần 1 đồng thời bên B nhận được thêm 2 lần thông báo bằng tin nhắn.
- Bên B vi phạm khoản 3 điều 4 và khoản 2 điều 6 của Hợp đồng này.

1.7. Tạm ngừng cấp nước trong các trường hợp sau:

- Vì lý do kỹ thuật hoặc sự cố xảy ra buộc phải ngừng cung cấp để khắc phục sửa chữa hoặc vì lý do bất khả kháng do thiên tai...không phải thông báo trước.
- Tạm ngừng cung cấp nước theo kế hoạch có thông báo trước ít nhất 03 ngày.
- Tạm dừng cấp nước khi đường ống sau đồng hồ của bên B bị bục vỡ gây thất thoát nước khi hộ gia đình bên B không lưu trú tại điểm sử dụng nước.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên A có các nghĩa vụ sau :

2.1. Thiết kế, đầu tư lắp đặt hệ thống ống nhánh cấp nước và đồng hồ nước cho bên B trong phạm vi không quá 05 mét kể từ đường ống cấp nước chung (ống cấp 3) của bên A đến đồng hồ đo nước.

2.2. Đảm bảo duy trì các điều kiện chất lượng dịch vụ cấp nước đã cam kết, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ theo quy định.

2.3. Đảm bảo đồng hồ đo nước khi lắp đặt cho Bên B đạt tiêu chuẩn đo lường và thực hiện bảo dưỡng, thay thế, kiểm định định kỳ.

2.4. Đọc, ghi chỉ số đồng hồ nước hàng tháng theo lịch trình cố định. Khi cần thiết có thể dịch chuyển ngày so với lịch ghi chỉ số cố định.

2.5. Thông báo, niêm yết các văn bản, quy định về cung cấp, tiêu thụ nước sạch và các văn bản có liên quan tại các điểm giao dịch để Bên B được biết.

2.6. Thông báo cho bên B biết trước 03 ngày khi tạm ngừng cung cấp nước để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ; trừ trường hợp xảy ra sự cố đột xuất.

2.7. Kiểm tra đường ống thường xuyên, nếu phát hiện có sự cố phải xử lý ngay. Trường hợp khách hàng đục đường ống để lấy nước không qua đồng hồ sẽ báo cho chính quyền địa phương và cơ quan pháp luật cùng phối hợp giải quyết.

2.8. Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, kiến nghị, yêu cầu của Bên B về các vấn đề liên quan đến cung cấp, sử dụng nước. Bồi thường thiệt hại cho bên B theo quy định của Pháp luật (nếu có)

2.9. Hỗ trợ bên B sửa chữa hệ thống đường ống cấp nước sau đồng hồ khi có yêu cầu, bên B chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí phát sinh cho bên A.

2.10. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tổn thất của bên B do bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình ghi trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

2.11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 6: Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Bên B có các quyền sau:

1.1 Yêu cầu bên A cung cấp nước sạch với điều kiện chất lượng và dịch vụ đã thỏa thuận tại điều 2 trong hợp đồng; kiểm tra chất lượng nước sạch, tính chính xác của thiết bị đo đếm nước sạch khi sản lượng tăng bất thường; Khiếu nại về số tiền nước phải thanh toán; khẩn trương khôi phục việc cung cấp nước sau khi hệ thống cấp nước bị sự cố.

1.2 Yêu cầu bên A: Ngừng, hoặc tạm ngừng cấp nước; đề nghị bên A di dời vị trí đồng hồ, đường ống, hệ thống cấp nước để giải phóng mặt bằng cho xây dựng hoặc lý do chính đáng khác (*trong trường hợp này bên B phải thanh toán chi phí di dời*); thực hiện việc đổi tên chủ thể hợp đồng, chấm dứt hợp đồng; giải đáp các thắc mắc trong cung cấp và sử dụng nước; giới thiệu các thông tin về hoạt động cấp nước,

hướng dẫn sử dụng và tra cứu hóa đơn điện tử trên trang Web của Công ty .
Capnuoccaobang.com.vn

1.3 Kiểm tra, giám sát việc ghi chỉ số đồng hồ của bên A.

1.4 Được bên A cung cấp thông tin về các sự cố liên quan đến việc cung cấp nước, thay đổi giá nước.

1.5 Khi có nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ nước, Bên B có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về đo lường chất lượng tổ chức kiểm định độc lập. Nếu kết quả kiểm định xác định thiết bị đo đếm đạt theo tiêu chuẩn Việt Nam thì bên B phải chịu các chi phí sau:

- * Chi phí kiểm định đồng hồ.

- * Chi phí tháo, lắp lại đồng hồ.

- Trường hợp kiểm định không đạt tiêu chuẩn thì bên A chịu chi phí kiểm định, và chi phí tháo lắp đồng hồ đồng thời bên A có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền thu vượt do sai lệch từ thiết bị đo đếm và lắp đặt đồng hồ mới thay thế cho bên B.

1.6 Yêu cầu bên A kịp thời khôi phục cấp nước khi có sự cố.

1.7 Được bồi thường thiệt hại do lỗi của Bên A gây ra theo các quy định của pháp luật;

1.8 Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về cấp nước của Bên A hoặc các bên có liên quan;

1.9 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

2.1 Có nghĩa vụ sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích đã đăng ký; thanh toán tiền nước đầy đủ đúng hạn, đúng theo hình thức thanh toán quy định tại khoản 3, điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Có trách nhiệm bảo vệ quản lý đồng hồ và ống nhánh trong khu vực quản lý của bên B. Đó là phạm vi, địa điểm lắp đặt đồng hồ và đường ống nhánh đã được thống nhất trong khảo sát lắp đặt giữa 2 bên.

2.3. Có trách nhiệm thanh toán đúng, đủ các khoản phải thanh toán khác ngoài tiền nước thuộc nghĩa vụ của bên B phải thanh toán cho bên A, thỏa thuận trong hợp đồng này và cả những khoản chi phí phát sinh ngoài hợp đồng do bên A cung cấp dịch vụ cho bên B, như chi phí đóng mở cấp nước trở lại do bên B vi phạm, chi phí sửa chữa, di chuyển đồng hồ theo yêu cầu của bên B, chi phí thay đồng hồ do nguyên nhân bị tác động bên ngoài làm vỡ, hỏng,....

2.4 Khi có thay đổi mục đích sử dụng nước, dẫn đến thay đổi giá nước phải thông báo cho Bên A biết trước 10 ngày. Nếu bên B sử dụng nước sai mục đích có mức giá cao hơn mức giá thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên A bằng khoản tiền chênh lệch do thay đổi mục đích sử dụng.

2.5 Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A thực hiện ghi đọc đồng hồ, kiểm tra hệ thống cấp nước, kiểm tra việc sử dụng nước và sửa chữa, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước.

2.6 Kịp thời thông báo cho bên A khi phát hiện các sự cố về chất lượng nước, áp lực nước, sự bất thường của đồng hồ nước, đồng hồ nước bị mất, bị hư hỏng hoặc các trường hợp bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng nước. Khách hàng sử dụng nước có trách nhiệm bảo vệ đồng hồ nước lắp đặt đúng thiết kế có biên bản nghiệm thu kèm theo, không tác động đến bên trong, bên ngoài đồng hồ gây hư hỏng, không xây dựng công trình hoặc để các vật dụng khác đè lên đồng hồ nước, không sử dụng máy bơm hút trực tiếp từ đường ống cấp nước, không được đấu nối hệ thống cấp nước khác chung với hệ thống cấp nước của bên A.

2.7 Không tự ý sửa chữa, tháo lắp, di dời hoặc thay đổi hệ thống ống dẫn từ đồng hồ nước trở ra thuộc thẩm quyền quản lý của bên A; Không được đấu nối nước cho các hộ khác vào hệ thống cấp nước của bên B. Không được tự ý đấu nối lại để lấy nước không qua đồng hồ khi đã bị cắt nước.

2.8 Tạm ngừng sử dụng nước phải thông báo cho bên A trước 7 ngày; Khi chuyển giao hợp đồng cho chủ khác thì phải thông báo cho bên A trước 7 ngày để thanh toán công nợ và thanh lý hợp đồng. Trong vòng 7 ngày kể từ khi tiếp nhận chủ mới phải làm thủ tục sang tên hợp đồng với bên A và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ của Hợp đồng trước đó.

2.9 Khi bên B lắp đặt mới hoặc di chuyển đồng hồ liên quan đến giải phóng mặt bằng, đào đường, vỉa hè ... thì phải chịu trách nhiệm xin phép và chịu toàn bộ các chi phí cho việc hoàn trả lại hiện trạng ban đầu (nếu có). Thanh toán toàn bộ chi phí khi tháo dỡ, di chuyển, khi đồng hồ bị mất trộm, bị phá hoại, khi các van khóa trước đồng hồ do bên B thao tác sử dụng thường xuyên làm hư hỏng.

2.10 Đảm bảo cam kết sử dụng các vật tư thiết bị lắp đặt sau đồng hồ đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với các đặt tính kỹ thuật của thiết bị bên A. Tự chịu trách nhiệm về các sự cố gây thất thoát nước sau đồng hồ.

2.11 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. Chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng này được chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Bên B không còn nhu cầu sử dụng nước và đề nghị bên A chấm dứt hợp đồng.
- Nhà, đất tại địa chỉ mua nước của Bên B bị giải tỏa, di dời toàn bộ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc bên B chuyển nơi ở mới.
- Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng do Bên B vi phạm hợp đồng hoặc được xác định là không còn nhu cầu sử dụng nước. (*Không sử dụng nước trên 06 tháng*) bên A sẽ tháo dỡ toàn bộ đường ống và đồng hồ đã lắp đặt cho bên B.

ĐIỀU 8. Xử lý vi phạm hợp đồng. Nguyên tắc tính toán truy thu tiền nước, bồi thường thiệt hại.

Đối với bên A

- Bên A bồi thường thiệt hại vi phạm hợp đồng với các hành vi sau đây:

a) Bồi thường vi phạm hợp đồng mức 100.000đ đến 300.000 đ và chi phí khắc phục cho bên B đối với hành vi không cung cấp đủ áp lực và lưu lượng nước sử dụng cho bên B kéo dài quá 3 ngày liên tục.

b) Bồi thường thiệt hại vi phạm hợp đồng từ 500.000đ đến 2.000.000đ về chi phí chữa bệnh và khắc phục hậu quả cho bên B đối với các hành vi vi phạm về chất lượng nước không đảm bảo dẫn đến ảnh hưởng sức khỏe cho bên sử dụng mà hậu quả đó được giám định y tế xác nhận.

Các vi phạm xảy ra tại điểm a và b nêu trên đều phải được lập thành biên bản xác nhận làm cơ sở giải quyết giữa 2 bên và được coi là không vi phạm nếu do nguyên nhân bất khả kháng.

Đối với bên B

- Bên B bồi thường thiệt hại vi phạm hợp đồng cụ thể như sau.

1.1. Đục phá đường ống trái phép.

a. Bồi thường thiệt hại: Thanh toán toàn bộ chi phí để khôi phục lại đường ống do bên B gây ra để đảm bảo cấp nước.

b. Truy thu tiền nước mức tối đa:

-Trường hợp xác định được thời gian (số ngày, số giờ) gây thất thoát nước do đục phá đường ống từ bên B thì tính truy thu tiền nước theo nguyên tắc khối lượng nước tính tiền bằng lưu lượng tính toán dựa trên áp lực cấp nước tại điểm bực vỡ và đường kính ống bực vỡ hoặc khối lượng nước tính toán được đo thực tế theo lưu lượng nước chảy thất thoát tại thời điểm phát hiện .

-Trường hợp không xác định được thời gian chính xác gây ra nước thất thoát thì bên B chịu mức truy thu tối thiểu bằng $2m^3$ / ngày và nhân với 360 ngày.

Giá tính tiền nước truy thu là giá nước cao nhất theo mục đích sử dụng.

1.2. Lấy nước không qua đồng hồ dưới mọi hình thức:

a. Bồi thường thiệt hại: Tính toán như **điểm a khoản 1.1**

b. Truy thu tiền nước tối đa:

-Khối lượng nước tính toán căn cứ theo đường kính ống và thời gian nước lấy nước không qua đồng hồ (*căn cứ vào quá trình sử dụng nước tăng, giảm đột biến*)

-Trường hợp không xác định được thời gian chính xác gây ra nước thất thoát thì bên B chịu mức truy thu tối thiểu bằng $2m^3$ / ngày và nhân với 360 ngày.

Giá nước áp dụng: là giá cao nhất theo mục đích sử dụng.

1.3. Tự ý di chuyển đồng hồ, tự ý tháo lắp đồng hồ, làm đứt kẹp chì đồng hồ không có lý do và không báo cáo ngay cho Công ty.

a. Bồi thường toàn bộ chi phí cho việc tháo, kiểm định lại đồng hồ, lắp lại đồng hồ.

b. Thu tiền nước bằng một tháng cao nhất trong năm.

1.4. Vô hiệu hóa đồng hồ dưới mọi hình thức:

a. Thanh lý hợp đồng mua, bán nước.

b. Truy thu tiền nước tối đa:

-Khối lượng nước tính toán căn cứ theo đường kính ống và thời gian nước lấy nước (*căn cứ vào quá trình sử dụng nước tăng, giảm đột biến*)

-Trường hợp không xác định được thời gian chính xác gây ra nước thất thoát thì bên B chịu mức truy thu tối thiểu bằng $2\text{m}^3/\text{ngày}$ và nhân với 360 ngày.

c. Các thủ tục và nghĩa vụ đóng tiền lắp đặt lại đồng hồ đo nước, ký lại hợp đồng mua, bán mới được tiến hành từ ban đầu theo quy định của các cấp có thẩm quyền.

1.5. Xây dựng công trình hoặc các hoạt động khác làm vỡ, hỏng đường ống nước gây thất thoát nước (không cố ý).

a. Bồi thường thiệt hại: như **điểm a khoản 1.1.**

b. Bồi thường tiền nước thất thoát: Khối lượng nước tính toán căn cứ theo đường kính ống, kích thước điểm vỡ và thời gian nước chảy thất thoát. Giá nước tính toán là giá sản xuất.

Ngoài các mức bồi thường vi phạm theo từng hành vi cụ thể nêu trên, khách hàng phải nộp phạt thêm từ 500.000 – 2.000.000 đồng tùy mức độ sai phạm.

1.6 Đã bị cắt nước nhưng tự ý mở lại lấy nước không qua đồng hồ: phạt tiền từ 500.000 – 2.000.000 đồng.

ĐIỀU 9. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, bên nào vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền tổ chức hòa giải.

Trong trường hợp không đề nghị hòa giải hoặc hòa giải không thành, các Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự và quyết định của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng có hiệu lực đối với cả hai bên. Tất cả các chi phí cho việc giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 10: Điều khoản chung.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện đến khi thanh lý hoặc chấm dứt hợp đồng.

Hai bên cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A
BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ

ĐẠI DIỆN BÊN B
KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
(kèm theo và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng dịch vụ cấp nước)

Phụ lục 1
DANH SÁCH SỐ ĐIỆN THOẠI
HỖ TRỢ VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

I.Khu vực thành phố:

1. Tư vấn, giải đáp thông tin lắp đặt máy nước mới.
Số điện thoại liên hệ: **02063 856 588**
1. Thông báo sự cố mất nước, hư hỏng đường ống nước, đồng hồ đo nước.
Số điện thoại liên hệ: **0912576994**
2. Thông báo chỉ số đồng hồ, khiếu nại hóa đơn tiền nước, hướng dẫn tra cứu hóa đơn tiền nước.
Số điện thoại liên hệ: **02063 888 123.**

II.Khu vực tổ quản lý nước thị trấn các huyện.

1. Tổ quản lý nước thị trấn Nước hai, huyện Hòa An.
Số điện thoại liên hệ: **02063 861 299**
2. Tổ quản lý nước thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng.
Số điện thoại liên hệ: **0382 649 038**
3. Tổ quản lý nước thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa.
Số điện thoại liên hệ: **02063 820 662**
4. Tổ quản lý nước thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh.
Số điện thoại liên hệ: **02063 826 237**
5. Tổ quản lý nước thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang.
Số điện thoại liên hệ: **02063 830 082**
6. Tổ quản lý nước thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An.
Số điện thoại liên hệ: **02063 840 371**
7. Tổ quản lý nước thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình.
Số điện thoại liên hệ: **02063 872 998**
8. Tổ quản lý nước thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng.

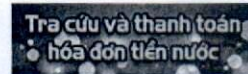
Số điện thoại liên hệ:

Phụ lục 2

Hướng dẫn tra cứu hóa đơn điện tử



- Mở trình duyệt web bất kỳ:
- Truy cập địa chỉ: <http://capnuoccaobang.com.vn>



- Tích chọn: *Tra cứu và thanh toán hóa đơn tiền nước*
- Đăng nhập: Tên đăng nhập: nhập mã KH
Mật khẩu mặc định: 1234567
Sau đó ấn: Đăng nhập
- Vào: Tra cứu hóa đơn để xem thông tin chi tiết từng kỳ hóa đơn

Phụ lục 3
QUY ĐỊNH TÍNH GIÁ NƯỚC
THEO ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

I. QUY ĐỊNH CHUNG.

Giá bán nước sạch phải áp dụng theo đúng đối tượng và mục đích sử dụng nước phù hợp với quyết định phê duyệt giá nước UBND tỉnh Cao Bằng ban hành.

Bên mua nước sạch có trách nhiệm kê khai đúng mục đích sử dụng nước để tính giá bán nước theo quy định của hướng dẫn này.

Trường hợp có thay đổi mục đích sử dụng nước dẫn đến thay đổi giá, bên mua phải thông báo cho bên bán trước 7 ngày để điều chỉnh việc áp giá trong hợp đồng theo mục đích sử dụng. Bên bán phải kiểm tra và kịp thời áp dụng giá bán theo đúng mục đích sử dụng nước sạch.

Trường hợp áp dụng sai mục đích sử dụng nước sạch dẫn tới gây thiệt hại cho bên mua hoặc bên bán, phải tiến hành truy thu hoặc thoái hoàn tiền nước. Trường hợp không xác định rõ thời điểm áp dụng sai giá thì được tính với thời gian là 12 tháng kể từ thời điểm phát hiện trở về trước.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ.

1 Giá bán nước sạch sử dụng cho sinh hoạt nhân dân:

**Đối tượng áp dụng:* Áp dụng đối với tất cả những hộ khách hàng nhân dân sử dụng nước sinh hoạt tại nhà như: Tắm giặt, ăn uống và các nhu cầu sinh hoạt khác.

Không áp dụng giá bán nước sinh hoạt nhân dân cho các hộ sử dụng nước sạch phục vụ cho mục đích kinh doanh sinh lời như: Sản xuất, chế biến, lò mổ gia súc gia cầm, kinh doanh tại cửa hàng, cửa hiệu, nhà xưởng sản xuất, Công trường xây dựng, điểm rửa xe, trụ sở doanh nghiệp, khách sạn, nhà hàng

** Phương pháp tính:*

- Trường hợp hộ khách hàng sử dụng nước tại nhà cho mục đích sinh hoạt không mở cửa hàng cửa hiệu, văn phòng, hoặc kinh doanh khác thì tính 100 % khối lượng nước tiêu thụ theo giá bán sinh hoạt nhân dân bất kể khối lượng sử dụng là bao nhiêu.

- Nếu tại nhà hộ khách hàng đang ở (không phải cho thuê) nhưng có mở cửa hàng, cửa hiệu, văn phòng, nhà hàng, kinh doanh nhà trọ, khách sạn... Trong trường hợp này nước sạch đã được sử dụng đồng thời cho sinh hoạt tại nhà vừa sử dụng phục vụ cho mục đích kinh doanh sinh lời. Vậy trong tính tiền sẽ thực hiện đồng thời vừa tính tiền nước theo mức giá nước sinh hoạt nhân dân, vừa tính tiền nước theo các mức giá bán ngoài sinh hoạt nhân dân (sinh hoạt cơ quan, sản xuất- xây dựng, kinh doanh - dịch vụ) theo đúng mục đích sử dụng trong thực tế.

Trong trường hợp này khối lượng nước tính theo các mức giá bán như sau:

Khối lượng nước sinh hoạt nhân dân = $4 \text{ m}^3 / \text{người} / \text{tháng}$ x Số nhân khẩu.

Khối lượng nước tính tiền theo giá bán ngoài mục đích sinh hoạt = Tổng khối lượng nước sạch sử dụng trong tháng – Khối lượng nước sạch tính theo giá sinh hoạt nhân dân.

2- Giá nước máy sử dụng cho sinh hoạt cơ quan và trụ sở Công ty, doanh nghiệp:

* Đối tượng áp dụng: Các cơ quan hành chính sự nghiệp, trụ sở doanh nghiệp, bệnh viện trường học, cơ quan quân đội sử dụng nước vào mục đích sinh hoạt tại trụ sở.

*** Phương pháp tính:**

- Đối với cơ quan, tổ chức sử dụng nước chỉ duy nhất cho sinh hoạt tại trụ sở thì 100 % khối lượng tiêu thụ sẽ tính theo giá sinh hoạt cơ quan không kể sản lượng tiêu dùng là bao nhiêu.

Trường hợp tại điểm dùng nước của cơ quan, tổ chức có sử dụng sinh hoạt tại cơ quan kèm theo mục đích khác như: Sinh hoạt nhân dân, sản xuất xây dựng hoặc kinh doanh dịch vụ thì căn cứ vào mục đích sử dụng thực tế để chia tách khối lượng nước tăng thêm để áp giá.

*** Cách tính như sau:**

Khối lượng nước sinh hoạt cơ quan = Tổng số nhân viên làm việc x 2 m³ / tháng.

Khối lượng nước tăng thêm = Tổng khối lượng nước tiêu thụ trong tháng – Khối lượng nước sinh hoạt cơ quan.

3 - Giá nước máy sử dụng cho sản xuất và xây dựng:

*** Đối tượng áp dụng**

- Tất cả mọi tổ chức cá nhân sử dụng nước cho mục đích sản xuất, xây dựng đều phải tính tiền giá nước theo giá sản xuất và xây dựng.

*** Cách tính:**

Tại một điểm dùng nước sử dụng 100 % cho sản xuất chế biến hoặc xây dựng thì tính toàn bộ khối lượng nước theo giá sản xuất hoặc xây dựng.

Nếu tại điểm dùng nước chung cả mục đích xây dựng sản xuất kèm theo mục đích khác thì căn cứ vào mục đích sử dụng thực tế để chia tách khối lượng để áp giá. Công thức chia tách:

Khối lượng nước sản xuất xây dựng = Tổng lượng nước tiêu thụ - Tổng (khối lượng nước sinh hoạt nhân dân + khối lượng nước sinh hoạt cơ quan + khối lượng nước kinh doanh dịch vụ).

4 - Giá Nước sử dụng cho kinh doanh dịch vụ:

* **Đối tượng áp dụng:** Đối tượng là khách hàng sử dụng nước máy vào việc kinh doanh dịch vụ gồm: nước dùng cho kinh doanh khách sạn - du lịch, phục vụ ăn uống nhà hàng, nhà trọ, dịch vụ rửa xe, bể bơi, dịch vụ kinh doanh vệ sinh công cộng và các dịch vụ khác hoạt động chuyên nghiệp.

*** Cách tính:**

Tại nhà hàng, khách sạn, điểm rửa xe, kinh doanh dịch vụ khác hoạt động chuyên nghiệp thì toàn bộ 100% khối lượng nước sẽ tính tiền giá bán nước máy kinh doanh.

Trường hợp kinh doanh khách sạn, dịch vụ tại nhà ở, chung một điểm đồng hồ nước hoặc tại một điểm sử dụng nước kèm nhiều mục đích thì tính khối lượng nước theo giá kinh doanh dịch vụ như sau:

Khối lượng nước theo giá kinh doanh dịch vụ = Tổng khối lượng tiêu thụ trong tháng – Tổng (*khối lượng nước theo giá sinh hoạt nhân dân + khối lượng nước sinh hoạt cơ quan + khối lượng nước sản xuất xây dựng*)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC CAO BẰNG
P. Giám đốc**